TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 14, 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Sơn Thị Sóc Kh, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp PH, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh là: Luật sư Lý Bình Đ, sinh năm 19xx, là Luật sư của Công ty Luật Bình Đẳng, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Địa chỉ: Số T đường T1, phường T2, quận NK, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang Ng, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp PH, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn là bà Sơn Thị Sóc Kh và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại

phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là bà Sơn Thị Sóc Kh và bị đơn là ông Trần Quang Ng chung sống với nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, vào ngày 25 tháng 12 năm 1993 nhưng không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi tổ chức đám cưới hai vợ chồng ở nhờ tại nhà cha mẹ ruột của bà Kh tại ấp PH, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu sống hạnh phúc và có 03 con chung gồm là Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và Trần Quang M, sinh năm 200x, hiện các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Từ đầu năm 2022 ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Ng nhiều lần đánh đập, hành hung bà mỗi lần nhậu say về, bất đồng quan điểm sống và ông Ng còn đe dọa giết bà Kh, bà đã cố gắng hàn gắn lại nhiều lần nhưng không thành. Nay bà Kh quyết định chấm dứt quan hệ sống chung với nhau như vợ chồng với ông Ng vì tình cảm không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Kh yêu cầu không công nhận bà và ông Trần Quang Ng là vợ chồng.

Về con chung: Các con là Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và Trần Quang M, sinh năm 200x đều đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quang Ng trình bày: Bị đơn Trần Quang Ng thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn Kh về quan hệ hôn nhân và trong quá trình chung sống có ba người con chung là Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và Trần Quang M, sinh năm 200x hiện các con đã trưởng thành, có gia đình riêng và có việc làm ổn định, về tài sản chung và nợ chung không có, là hoàn toàn đúng sự thật. Về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng nguyên đơn Kh trình bày chỉ đúng một phần mà chủ yếu là do nguyên đơn Kh có mối quan hệ với người đàn ông khác, ông bà mới sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Bị đơn Ng không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh là Luật sư Lý Bình Đ trình bày*: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Kh và bị đơn Ng đều thừa nhận ông bà được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 25 tháng 12 năm 1993 nhưng không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi đám cưới hai vợ chồng ở nhờ tại nhà cha mẹ ruột của bà Kh tại ấp ấp PH, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu sống hạnh phúc và có 03 con chung gồm là Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx

và Trần Quang M, sinh năm 200x, hiện các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, về tài sản chung, nợ chung không có. Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06 tháng 02 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh lập ngày 01 tháng 02 năm 2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Kh gửi qua đường bưu điện. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Kh và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2023 bà Kh yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trần Quang Ng và ông Ng cư trú tại địa chỉ ấp PH, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Sơn Thị Sóc Kh và bị đơn Trần Quang Ng đều trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau 03 (ba) người con chung là Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và Trần Quang M, sinh năm 200x. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Kh và bị đơn Ng phù hợp với các giấy khai sinh của anh Tr, anh Tr và anh M mà nguyên đơn Kh đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn*

bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh" nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[3] Trong quá trình sống chung, bà Kh và ông Ng có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, bà Kh và ông Ng đều thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn và theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận từ năm 1993 đến nay bà Kh và ông Ng vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Nên việc bà Sơn Thị Sóc Kh yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông Trần Quang Ng là vợ chồng là có căn cứ.

[4] Do quan hệ giữa bà Sơn Thị Sóc Kh và ông Trần Quang Ng không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của bà Kh và ông Ng.

[5] Về con chung là anh Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, anh Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và anh Trần Quang M, sinh năm 200x đều trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng và có khả năng lao động; về tài sản chung và nợ chung bà Sơn Thị Sóc Kh và ông Trần Quang Ng trình bày, không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kh và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[7] Bà Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Sóc Kh:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sơn Thị Sóc Kh và ông Trần Quang Ng.

1.2. Về con chung: Do anh Trần Minh Tr, sinh năm 19xx, Trần Quang Tr, sinh năm 19xx và Trần Quang M, sinh năm 200x đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Sơn Thị Sóc Kh và ông Trần Quang Ng đều tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Sóc Kh phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005809 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà Kh đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND xã An Hiệp;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ